

NHỮNG YẾU TỐ XÃ HỘI CỦA SỰ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

TRỊNH DUY LUÂN

Phát triển bền vững là một khái niệm mang tính học thuật khá phức tạp, đã và vẫn còn đang gây nhiều tranh luận, dẫn đến có rất nhiều định nghĩa. Song có một điều chắc chắn: đó là một khái niệm bao chứa nhiều chiều cạnh, thành tố hợp thành. Người ta đã nói tới ít nhất 5 thành tố như vậy: bền vững về môi trường (rộng hơn, bền vững về sinh thái), bền vững về kinh tế, về chính trị, về dân số và bền vững về xã hội (văn hóa). Người ta cũng đã bàn về sự kết hợp tất cả các thành tố này trong định nghĩa, khi chấp nhận một sự nhượng bộ hoặc đánh đổi nào đó về vai trò của các yếu tố đó trên thực tế.

Nhấn mạnh khía cạnh môi trường sinh thái của phát triển bền vững, trong báo cáo của Ủy ban Toàn cầu về Môi trường và Phát triển (còn gọi là Báo cáo Brundtland, 1987), mục tiêu của phát triển bền vững đã được tuyên bố là: *"đáp ứng những nhu cầu của các thế hệ hôm nay mà không gây hại đến khả năng thỏa mãn những nhu cầu của các thế hệ tương lai"*.

Những mục tiêu đa dạng hơn của phát triển bền vững, ngoài khía cạnh sinh thái, là các yếu tố được nêu trong Hiến chương của Liên Hợp Quốc về Quyền Con người. Đó là "đảm bảo cho mỗi người quyền có được những điều kiện sống thích hợp cho sức khỏe và phúc lợi bao gồm đồ ăn, quần áo, nhà ở, y tế và các dịch vụ xã hội cần thiết khác".

Vì là một khái niệm học thuật phức tạp như vậy, nên ở đây, chúng tôi sẽ không triển khai theo hướng mở xẻ khái niệm. Bài viết này sẽ đề cập trực tiếp tới một chiều cạnh của vấn đề: sự phát triển bền vững **về mặt xã hội** của các đô thị Việt Nam, trong khuôn khổ của một định nghĩa làm việc (working definition) về phát triển bền vững.

Bền vững về xã hội là giải quyết tốt mối quan hệ bên trong giữa các yếu tố xã hội chủ yếu và quá trình phát triển kinh tế. Trên quy mô toàn quốc, phát triển bền vững về xã hội có cốt lõi nằm ở việc giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng (kinh tế) và bảo đảm công bằng xã hội, phát triển con người.

Ngay cả với một cách hiểu rất giản lược như vậy thì sự phát triển đô thị bền vững về mặt xã hội vẫn còn là một chủ đề lớn và phức tạp. Qua những nghiên cứu lý luận và thực tiễn, chúng tôi tạm đưa ra nhận định là: trong điều kiện Việt Nam hiện nay, để đảm bảo những điều kiện cho sự phát triển bền vững các đô thị về mặt xã hội, bên cạnh việc tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng về kinh tế, bảo vệ môi trường, cần chú ý tới các yếu tố xã hội sau đây:

- Cải thiện điều kiện sống của nhóm người nghèo đô thị.
- Có các chính sách cần thiết để đầu tư cho con người, thúc đẩy phát triển con người, bảo đảm các nhu cầu cơ bản trong cuộc sống của họ.
- Bảo đảm mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội.
- Khắc phục các bất bình đẳng xã hội. Đặc biệt chú ý tới các nhóm xã hội nhạy cảm, dễ bị tổn thương.
- Huy động sự tham gia rộng rãi và có hiệu quả của cộng đồng và mọi người dân vào quá trình xây dựng và quản lý đô thị.
- Tăng cường về mặt thể chế các quá trình địa phương của xã hội công dân.

Dưới đây sẽ đề cập chi tiết hơn tới các yếu tố này.

1. Tăng khả năng và cơ hội tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản (chăm sóc sức khỏe, giáo dục, việc làm), đáp ứng các nhu cầu cơ bản của nhóm người nghèo và thu nhập thấp. Khắc phục những bất bình đẳng về giới, chú ý tới các nhóm nhạy cảm, dễ bị tổn thương trong cơ chế thị trường.

Trong điều kiện của nền kinh tế quá độ, vấn đề phát triển bền vững về mặt xã hội trên quy mô quốc gia cũng như khu vực đô thị được tập trung trong việc giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với việc *khắc phục mức độ bất bình đẳng xã hội*, trước hết trong thu nhập, hưởng thụ các thành quả do tăng trưởng kinh tế đưa lại.

Những phân tích lý luận và kinh nghiệm thực tiễn của các nước trong khu vực cho thấy tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội không phải luôn là những hiện tượng không tương dung. Tức là vẫn có thể vừa có tăng trưởng cao vừa hạn chế gia tăng bất bình đẳng, thông qua các chính sách xã hội, những cách thức phân phối lại thu nhập, những thành quả của tăng trưởng. Những nghiên cứu gần đây nhất cho thấy Việt Nam trong năm năm vừa qua đã khá thành công trong việc giảm nghèo, đồng thời kìm giữ mức độ gia tăng bất bình đẳng xã hội trong phân phối thu nhập. Tuy nhiên, thành tựu này là không bền vững. Xét riêng cho mỗi khu vực, đặc biệt với khu vực đô thị, sự phân hóa giàu nghèo, phân tầng xã hội là rất đáng lưu ý nếu ta so sánh một bên là tầng lớp giàu có (trung lưu) mới với một bên là những người nghèo, dân vừa nhập cư từ nông thôn tới. Đó là 2 thái cực của sự phân hóa xã hội mà nếu không được chú ý xử lý sẽ là một nhân tố tiềm tàng cho những sự bất ổn định xã hội, có thể tác động tiêu cực tới nhịp độ tăng trưởng tiếp tục, và nói chung, tới mục tiêu phát triển bền vững của các đô thị.

Theo các nghiên cứu, tại các đô thị lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, người nghèo đô thị đã trở thành nhóm xã hội chịu nhiều thiệt thòi. Họ không những ít được hưởng những thành quả của tăng trưởng mà thậm chí còn bị lâm vào tình cảnh khó khăn, không thể vượt ra khỏi sự nghèo đói thâm niên. Nhà ở, môi trường, giáo dục và sức khỏe của người nghèo đô thị đang trở thành một trong những vấn đề xã hội lớn, có liên quan trực tiếp đến sự phát triển bền vững về mặt xã hội của các đô thị này.

Vì vậy, đường lối quản lý phát triển đô thị của chính phủ, về mặt xã hội, luôn luôn gắn kèm với các chủ trương lớn như đẩy mạnh cuộc vận động xóa đói giảm nghèo, thông qua các chương trình hỗ trợ, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện điều kiện sống cho nhóm dân nghèo và thu nhập thấp ở các đô thị.

Thực tế cho thấy, do tác động của cơ chế thị trường, khó khăn lớn nhất của nhóm người nghèo và thu nhập thấp ở đô thị là họ có rất ít khả năng và cơ hội đến được với hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản ở đô thị. Việc đáp ứng những nhu cầu cơ bản của họ như có việc làm, được chăm sóc sức khỏe, được đi học đều gặp nhiều khó khăn. Trong đó, đặc biệt là những nhóm người nghèo, rất nhạy cảm và dễ bị tổn thương nhất như: phụ nữ nghèo, trẻ em, người già, những người tàn tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo,... Những người dân đô thị thuộc các khu vực phải di chuyển, giải phóng mặt bằng, và tái định cư ở các khu vực mới; những người nghèo mới nhập cư từ nông thôn vào đô thị (thường là bất hợp pháp, và do vậy không có đủ các quyền như nhóm cư dân chính thức ở đô thị) cũng là những bộ phận của nhóm xã hội vừa nói trên.

Nói tóm lại, đây là những vấn đề có liên quan đến hệ thống các chính sách xã hội, hệ thống phúc lợi và an sinh xã hội với định hướng hỗ trợ nhóm người nghèo đô thị. Đó là các chính sách tăng khả năng và cơ hội tiếp cận và sử dụng các dịch vụ về chăm sóc sức khỏe, giáo dục, việc làm; những chính sách làm giảm các bất bình đẳng về giới, về nguồn gốc cư trú (giữa dân nhập cư tự do và dân gốc), và đặc biệt là các chính sách có liên quan đến những nhóm xã hội đặc biệt nhạy cảm, dễ bị tổn thương trong điều kiện phổ biến cơ chế thị trường.

2. Tăng cường sự tham gia của người dân và của cộng đồng vào các công việc quản lý và phát triển đô thị

Ngày nay, quá trình phát triển và quản lý đô thị có sự tham gia của cộng đồng đang giành được sự chú ý trong giới quản lý đô thị, bởi vì kinh nghiệm của nhiều nước đang phát triển ở châu Á đã chỉ ra những thế mạnh và hiệu quả thực tế của cách tiếp cận này đối với sự phát triển bền vững về mặt xã hội cho các đô thị.

Việt Nam đang bước vào thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Các đô thị trong cả nước đang phát triển nhanh trong những năm gần đây. Cùng với việc chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường, sự đổi mới những phương thức phát triển và quản lý đô thị một cách bền vững là yêu cầu thực tế khách quan, cấp bách. Trong đó, việc huy động sự tham gia của cộng đồng vào quá trình xây dựng, phát triển và quản lý đô thị là một vấn đề mới, rất cần được nghiên cứu và từng bước vận dụng trong điều kiện Việt Nam.

Trước đây, các khái niệm "phát triển cộng đồng", "sự tham gia của cộng đồng" và cách quản lý phát triển đô thị từ dưới lên ít được chú ý. Với việc triển khai đường lối Đổi mới, đã có những thay đổi trong nhận thức về cộng đồng và sự tham gia của cộng đồng. Các cộng đồng cơ sở với tính năng động và tự lực của họ là có thể và cần được phát huy để phục vụ cho các mục tiêu của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Chính những nội dung căn bản của đường lối Đổi mới đã tạo ra sự chú ý ngày càng nhiều tới cách tiếp cận phát triển cộng đồng, thu hút sự tham gia của cộng đồng. Đó là những nội dung sau:

- *Xây dựng nền kinh tế thị trường*: thường đòi hỏi sự năng động, sáng tạo, độc lập từ cơ sở, từ mỗi cá nhân.
- *Xây dựng nhà nước pháp quyền*: thường đi kèm với phát triển một "xã hội công dân".
- *Mức sống (dân sinh), trình độ học vấn và văn hóa (dân trí) được nâng cao*: thường đi kèm với quá trình tăng cường dân chủ hóa đời sống xã hội.

- *Phi tập trung hóa trong quản lý kinh tế và xã hội*: thường đi kèm với trao quyền cho địa phương, kế hoạch hóa từ dưới lên, và phát triển dựa trên nhu cầu của cộng đồng.

Như vậy là, trên bình diện lý luận, cách tiếp cận phát triển đô thị có sự tham gia của cộng đồng, nếu được triển khai thực hiện, không chỉ đáp ứng đòi hỏi có căn cứ khoa học về sự đổi mới công tác phát triển đô thị hiện nay, mà còn phù hợp với tinh thần cơ bản của đường lối Đổi mới. Thực chất, đó cũng chính là việc quán triệt quan điểm “lấy dân làm gốc” của Đảng.

Tuy nhiên, trong bối cảnh chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, việc áp dụng một cách tiếp cận mới không thể thực hiện một sớm một chiều. Sau đây là một vài vấn đề được rút ra từ nghiên cứu gần đây của chúng tôi.

1. Cho đến nay, khái niệm "sự tham gia của cộng đồng" mới chỉ được hiểu đơn giản như là một mức độ *đóng góp* chung vào việc thực hiện một nhiệm vụ nhất định. Tuy nhiên, nếu đối chiếu với "thang đo" các mức độ tham gia thì *sự tham gia của cộng đồng vào quá trình ra quyết định hiện còn khá hạn hẹp*. Cần phân biệt rõ các mức độ tham gia, trong đó, thái độ hợp tác, đóng góp, hay sự tham gia là những vấn đề khác nhau*. Một quá trình có sự tham gia của cộng đồng thì có thể hy vọng sự hợp tác hoặc đóng góp lớn hơn. Ngược lại, chỉ có hợp tác hoặc đóng góp mà không có *sự tham gia* của cộng đồng thì quá trình khó mà thành công được.
2. Hiện nay cách tiếp cận "quy hoạch tổng thể" vẫn còn thịnh hành trong xây dựng và quản lý đô thị ở Việt Nam, mặc dù đã có những ý kiến chỉ ra sự cứng nhắc, kém hiệu quả của nó. Lý do là, với khung thể chế quản lý hành chính hiện nay ở Việt Nam, cách tiếp cận quy hoạch tổng thể vẫn còn có cơ sở vĩ mô để tồn tại. Để có thể áp dụng một cách tiếp cận mới, có sự tham gia của đông đảo các tầng lớp dân cư, cần phải có một khung thể chế quản lý hành chính thích hợp hơn, giúp tăng cường khả năng tham gia của cộng đồng và của mỗi người dân trong toàn bộ quy trình phát triển và quản lý đô thị.

* Theo tác giả A. Laquian, sự tham gia của cộng đồng có thể ở các mức độ khác nhau từ cao đến thấp như sau:

1. Cộng đồng (nhân dân) *kiểm soát* quá trình hoạch định các quyết định quản lý
2. Các nhóm dân cư trong cộng đồng *được giao quyền tham gia* vào các hoạt động ra quyết định khác nhau
3. Có sự *phối hợp* giữa cộng đồng và chính quyền địa phương trong quá trình quản lý
4. Chính quyền *xem xét đáp ứng* các nhu cầu của nhân dân trong cộng đồng
5. Chính quyền *trao đổi, bàn bạc* với các nhóm dân cư
6. Chính quyền *thông báo* cho dân biết các thông tin cơ bản của các quyết định
7. Chính quyền *ra quyết định và thông báo quyết định* trước khi thực hiện
8. Chính quyền *vận động nhân dân làm theo* các quyết định do chính quyền vạch ra.

Các mức độ từ 1-3 cho thấy vai trò tham gia của cộng đồng là khá cao: họ nắm quyền kiểm soát, được giao quyền hoặc phối hợp với chính quyền trong quá trình ra các quyết định.

Ở mức độ thấp hơn (từ 5-6), cộng đồng tham gia dưới các hình thức hợp tác, trao đổi bàn bạc, cùng nhau khảo sát nghiên cứu, thu thập thông tin, song cộng đồng không được coi là ngang bằng với chính quyền và các nhà chuyên môn trong quá trình ra quyết định.

Mức độ "tham gia" thấp nhất (7-8), là khi chính quyền coi cộng đồng như là những "thường dân / học trò" và họ giáo dục / vận động cộng đồng chấp hành tất cả những gì mà chính quyền đã quyết định. Trên thực tế thì đây không phải là sự tham gia mà là một quá trình thực hiện có sự kiểm soát từ bên trên.

(Nguồn: *Quy hoạch và quản lý đô thị có sự tham gia của cộng đồng*. Dự án VIE 95/050. Hà Nội-1998)

3. Bên cạnh đó, cũng có những cản trở ngay từ bên dưới, ngay trong các cộng đồng. Đó là tính thiếu tổ chức trong sự tham gia. Mặc dù ở các địa phương, bên cạnh cơ quan chính quyền, hiện có nhiều đoàn thể và tổ chức quần chúng hoạt động, song chúng lại được chuyên môn hóa khá rành rẽ. Trong khi đó lại rất cần có sự phối hợp đảm bảo tính tự chủ lâu dài cho nhiều dạng hoạt động của cộng đồng địa phương. Thiếu kỹ năng tổ chức các hoạt động theo cách tiếp cận mới cũng là một vấn đề và rất cần được chú ý. Những điều này đòi hỏi phải có sự bổ khuyết kịp thời thì mới đủ điều kiện để vận dụng thành công cách tiếp cận có sự tham gia của cộng đồng.
4. Hiện đang tồn tại một mâu thuẫn làm hạn chế quá trình phát triển bền vững đô thị với sự tham gia của cộng đồng. Đó là mâu thuẫn giữa cách thức phát triển theo các khuôn khổ và quy chế chính thức khá nghiêm ngặt và cứng nhắc ở bên trên (quy hoạch tổng thể, cơ chế quản lý hành chính của thành phố), với một bên, là tính chất thiếu tổ chức, thậm chí tự phát ở cấp cơ sở trong các hoạt động xây dựng và phát triển. Thiếu sự thống nhất về tổ chức cũng như những cam kết mạnh mẽ về thể chế là một trong những yếu tố thể chế quan trọng nhất trong tiến trình bảo đảm sự phát triển bền vững các đô thị ở Việt Nam hiện nay.
5. Trên thực tế thì cơ cấu tổ chức hành chính như hiện nay đã góp phần tạo ra một *sức mạnh chính trị* khá cao ở cấp cộng đồng. Tuy nhiên, dường như nó vẫn chưa đảm bảo được sự *hài hòa* trong hoạt động của toàn hệ thống. Những người lãnh đạo *cộng đồng* muốn áp dụng cách tiếp cận mới phải luôn tìm ra sự cân bằng khá tinh tế đủ để duy trì các hoạt động cộng đồng. Tức là phải có một chiến lược thu được sự ủng hộ cao mà vẫn tránh được nguy cơ hình thành các nhóm lợi ích có tính bè phái trong mỗi cộng đồng.
6. Cuối cùng, chính bộ máy quan liêu là một yếu tố có ảnh hưởng lớn đến sự tham gia của cộng đồng. Bộ máy quan liêu với sự chuyên môn hóa cao, thường bảo thủ và không sẵn sàng thích ứng với những thay đổi. Sự tham gia của cộng đồng đặt ra nhiều trách nhiệm cho cộng đồng cũng đồng nghĩa với việc đối đầu và muốn đẩy lùi quyền lực của bộ máy quan liêu. Và điều này rõ ràng là một thách đố đầy khó khăn hiện nay.

Những trở ngại và thách đố nêu trên hoàn toàn không phủ nhận xu thế phải có những cách tiếp cận mới bảo đảm sự phát triển bền vững các đô thị. Nó nhắc nhở và gợi ý cho chúng ta về những giải pháp để đạt tới sự phát triển bền vững với sự tham gia tích cực của mỗi người dân và của các cộng đồng dân cư đô thị nói chung.

3. Phát triển một xã hội công dân hoạt động tích cực, tăng cường vai trò của các quá trình địa phương.

Trong tiến trình thực hiện đường lối Đổi mới, việc xây dựng nhà nước pháp quyền, dân chủ hóa đời sống xã hội cũng có nghĩa là phải đồng thời có một xã hội công dân mạnh. Thời kỳ trước Đổi mới, với cơ chế bao cấp và kế hoạch hóa tập trung, bộ máy chính quyền nhà nước từ trung ương đến cơ sở là một hệ thống chặt chẽ, bao quát hầu hết các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội. Xã hội công dân (civil society) và vai trò của nó ít được nhắc đến. Trên thực tế, dù nhiệt tình và tận tâm đến đâu, chính quyền không thể làm và giám sát hết được mọi việc. Và làm như vậy cũng có nghĩa là chính quyền chưa đặt niềm tin ở dân chúng, ở tiềm năng tự lực, tự quản và sức sáng tạo của dân chúng. Mặt khác, điều này cũng tạo cho người dân tâm lý thụ động, tất cả mọi việc đều chỉ biết chờ đợi ở chính quyền, không dám và không biết tự tổ chức lại để giải quyết công việc của mình, dưới sự cho phép và hỗ trợ của các

thể chế chính thức. Định hướng phi tập trung hóa (decentralization) và dân chủ hóa đời sống xã hội được nêu trong các văn kiện pháp lý của Đảng và Nhà nước trong tiến trình Đổi mới rất phù hợp với điều này. Song do "sức ỳ" của tâm lý và thói quen cũ, sự chuyển đổi là không mấy dễ dàng. Mặt khác, việc thể chế hóa các định hướng nói trên vẫn còn nhiều khoảng trống, được thể hiện trong môi trường pháp lý, hệ thống các văn bản pháp quy chưa ổn định cũng như tính khả thi còn thấp của chúng.

Tuy nhiên, trong hệ thống chính trị của Việt Nam còn có một bộ phận quan trọng, đã được hình thành và phát triển song song với hệ thống chính quyền đồng thời lại gắn bó khá chặt chẽ với xã hội công dân. Đó là hệ thống các Tổ chức quần chúng, đoàn thể xã hội, bao gồm Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Công đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân,... Các tổ chức đoàn thể này được tổ chức theo chiều dọc ở tất cả các cấp, từ trung ương đến cơ sở, theo các đơn vị hành chính lãnh thổ và theo các ngành. Ngoài ra còn rất nhiều Hiệp hội nghề nghiệp khác. Kết quả là ngay ở một khu cư trú nhỏ nhất (xã, phường, cụm, tổ dân phố) đều thường xuyên có sự quan tâm của các đoàn thể quần chúng này trong chức năng nhiệm vụ "chăm lo đời sống của nhân dân lao động". Đây là một đặc điểm rất quan trọng về thể chế, có ảnh hưởng lớn đến hình thức hoạt động của các quá trình địa phương (local process) có liên quan đến vấn đề bảo đảm và quản lý sự phát triển của cộng đồng dân nghèo đô thị ở Việt nam.

Trong điều kiện như vậy, các hoạt động cộng đồng hay là các quá trình địa phương của xã hội dân sự diễn ra như thế nào? Có thể lấy các hoạt động cải thiện điều kiện sống của người nghèo đô thị làm ví dụ. Trong lĩnh vực này, thời gian vừa qua đã có ít nhất 3 dạng hoạt động của cả nhà nước và xã hội công dân, được đồng thời tiến hành với quy mô và mức độ khác nhau như sau.

1. Những hoạt động do chính quyền cấp cơ sở trực tiếp thực hiện theo sự chỉ đạo thống nhất trong toàn quốc. Ví dụ các hoạt động trong khuôn khổ chính sách xã hội: trợ cấp thường xuyên và đột xuất cho các gia đình nghèo hoặc có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt, cho vay vốn từ quỹ quốc gia xóa đói giảm nghèo, hoặc từ Ngân hàng trợ giúp người nghèo,... Đây là các hoạt động theo phương thức trợ giúp xã hội, tập trung và dựa vào các nguồn lực của Nhà nước là chính. Tuy nhiên loại hình hoạt động này còn chưa đạt hiệu quả cao do quy mô, phạm vi hoạt động quá lớn trong khi các nguồn lực (nhân lực và tài lực) lại khá hạn chế.

2. Các hoạt động thông qua các tổ chức đoàn thể, quần chúng. Hoạt động này khá đa dạng, từ các phong trào, các cuộc vận động mang tính chất thông tin, tuyên truyền, đến việc áp dụng các Dự án nhỏ, hỗ trợ nâng cấp điều kiện sống cho người nghèo như: vay vốn tạo việc làm và nâng cao thu nhập, sửa chữa nhà ở, cấp nước sạch, vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe,... tại cộng đồng. Nguồn lực hỗ trợ cho các hoạt động này có thể một phần từ phía chính quyền, các đoàn thể hoặc từ các NGO trong / ngoài nước và các tổ chức nhân đạo quốc tế.

Minh họa cho loại hoạt động này là vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở. Hội có hàng chục triệu hội viên, có hệ thống tổ chức từ trung ương tới cơ sở. Lực lượng hội viên đông đảo, nhiệt tình tham gia các phong trào và là nòng cốt thu hút sự tham gia của toàn thể cộng đồng địa phương trong các hoạt động như: vay vốn tạo việc làm và thu nhập, xóa đói giảm nghèo, nâng cấp các công trình nước sạch và vệ sinh, sửa chữa nhà ở, giáo dục và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho phụ nữ và trẻ em, ngăn chặn các tệ nạn xã hội,....

Đây cũng là ví dụ tốt về mối liên hệ giữa Nhà nước và xã hội công dân trong đời sống hàng ngày, là một dạng thức rất tiêu biểu của các quá trình địa phương / hoạt động cộng đồng ở Việt Nam mà có thể hỗ trợ tích cực cho sự phát triển bền vững các đô thị về mặt xã hội.

3. Dạng thứ ba là các hoạt động cộng đồng độc lập theo mô hình của một số nước trong khu vực. Hoạt động của một vài cộng đồng dân cư tại thành phố Hồ Chí Minh (ví dụ: cộng đồng Hiệp Thành) đã được hình thành. Tổ chức cộng đồng đầu tiên đã có được một Ban chấp hành do nhân dân bầu ra. Đôi khi chỉ với một khoản trợ giúp nhỏ từ một tổ chức phi chính phủ, Ban chấp hành cộng đồng đã có thể tổ chức được nhiều hoạt động giúp đỡ các gia đình nghèo trong cộng đồng như cho vay vốn kiếm sống hàng ngày, sửa chữa nhà cửa, đường đi, cung cấp nước sạch, vệ sinh và an ninh tại nơi ở,....

Hoạt động cộng đồng tự quản và tự giúp nhau của những cộng đồng như vậy đã trở thành một mô hình mới, nâng cao vai trò của xã hội dân sự trong các quá trình địa phương ở đô thị. Thế nhưng, sau gần nhiều năm hoạt động, mô hình này đã không được nhân rộng, thậm chí như cộng đồng Hiệp Thành đã bị tan rã do một quyết định chuyển cư cải tạo đô thị.

Tuy nhiên, nguyên nhân chính của sự không thành công là ở sự "bất cập về mặt thể chế": trong một cơ chế quản lý hành chính cứng nhắc và phức tạp như đã mô tả ở trên, một Ban chấp hành cộng đồng cho dù tận tâm, không vụ lợi vẫn không thể hoạt động một cách tự do và hiệu quả được. Thiếu sự hiểu biết và hỗ trợ (có thể dẫn đến định kiến, hiểu nhầm về hoạt động cộng đồng) từ phía chính quyền và của một số tổ chức khác cũng là những khó khăn đáng kể.

Như vậy, trong khuôn khổ thể chế hiện nay ở Việt Nam, *đã có sẵn nhiều yếu tố của các hoạt động cộng đồng* hay là các quá trình địa phương *của một xã hội dân sự* khá phong phú. Tuy nhiên, dường như tất cả những yếu tố đó còn chưa được liên kết trong một khuôn khổ tổ chức tương đối độc lập, mở và linh hoạt, với một định hướng phát triển xã hội dân sự rõ ràng. Mặt khác cũng không thể đi theo mô hình hoạt động cộng đồng độc lập hoàn toàn. Thực tế đã cho thấy có những tiềm năng thực tế và sự nhận thức lại rằng: các hoạt động cộng đồng và các quá trình địa phương của xã hội dân sự ở Việt Nam không phải (và không thể) là những hoạt động độc lập tách rời hệ thống chính quyền, đặc biệt là với các tổ chức quần chúng và đoàn thể xã hội. Chỉ có như thế mới mong nhận được sự hỗ trợ, nâng đỡ, tạo điều kiện cho hoạt động của nó.

Đương nhiên, sẽ còn nhiều việc cần phải làm để thúc đẩy hơn nữa các hoạt động phát triển cộng đồng đô thị ở Việt Nam. Chẳng hạn:

- Chuẩn bị và bảo đảm về mặt thể chế những cam kết / đồng thuận giữa cộng đồng với các tổ chức đoàn thể, xã hội và các cơ quan liên đới về việc triển khai các hoạt động cộng đồng tại địa phương.
- Chuẩn bị về cán bộ: cán sự xã hội, những người tình nguyện, những nhân viên phát triển cộng đồng.
- Phát triển bền vững và nhân rộng các mô hình hoạt động cộng đồng đa dạng hiện có như: tín dụng nhỏ tạo việc làm, nâng cấp nhà ở và cơ sở hạ tầng đô thị (nước sạch, thoát nước thải, vệ sinh môi trường), giáo dục trẻ em và thanh niên, phòng chống tệ nạn xã hội,...
- Liên kết với các NGO trong nước và quốc tế để được tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật.

- Tiến hành các thí điểm thử nghiệm mô hình tổ chức và hình thức hoạt động cộng đồng, v.v...

Sau hết, khi bàn về sự phát triển bền vững của các đô thị, chúng ta hoàn toàn không thể làm cho nó trở nên biệt lập với vấn đề phát triển nông thôn, nơi có 76,5% dân số của đất nước đang sinh sống. Các đô thị không thể nào phát triển bền vững bên cạnh một nông thôn còn nghèo khổ, dư thừa lao động, luôn sẵn sàng tràn vào các thành phố tìm nguồn sống. Những nghiên cứu gần đây cho thấy chính mức độ bất bình đẳng lớn trong thu nhập bình quân đầu người giữa thành thị và nông thôn là đóng góp chủ yếu nhất (trên 90%) vào sự bất bình đẳng trên quy mô toàn quốc. Vì vậy mà công cuộc xóa đói giảm nghèo, việc khắc phục mức độ bất bình đẳng xã hội cần phải tính đến mối quan hệ phức tạp giữa thành thị và nông thôn, như là 2 bộ phận hữu cơ không thể tách rời nhau trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội, môi trường của quốc gia. Điều này cũng hoàn toàn đúng và cần được tính đến như một yếu tố xã hội quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững của các đô thị Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Jean-Guy Vaillancourt. Sustainable development: A sociologist's view of definition, origins and implications of the concept. In: Mehta, M.D. and E. Ouellet (eds.), *Environmental Sociology: Theory and Practice*, York Captus Press, 1995
2. Giles Atkinson, Richard Dubourg et al. *Measuring sustainable development*. Edward Elgar Ltd. UK. 1997
3. Ngân hàng Thế giới (12/1999). Việt Nam: *Tấn công nghèo đói - Báo cáo Phát triển của Việt Nam năm 2000*.
4. *Quy hoạch và quản lý đô thị có sự tham gia của cộng đồng*. Dự án VIE 95/050. Hà Nội-1998.